

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ N.T.DIEU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ N.T.DIEU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: N.T.DIEU E-COMMERCE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0202169376

**3. Ngày thành lập:** 28/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 349 Phố Mới, Xã Tân Dương, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 096.519.0498

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4520     |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4530     |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                           | 4543     |
| 4.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Không bao gồm động vật quý hiếm và động vật hoang dã)                                                                                                                                                                                | 4620     |
| 5.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4631     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4632     |
| 7.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4633     |
| 8.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4634     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội)                                                                                                                        | 4649     |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659     |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(không bao gồm vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                               | 4662     |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ các mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                                     | 4669        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá                                                                                                                                                                | 8299        |
| 15. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                               | 6201        |
| 16. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                 | 6202        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                     | 6209        |
| 18. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                  | 6311        |
| 19. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: -Thiết lập mạng xã hội; -Sàn giao dịch thương mại điện tử (không bao gồm các website giao dịch chứng khoán trực tiếp)                                                                                                                                   | 6312        |
| 20. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                     | 4690        |
| 21. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Bán lẻ những mặt hàng doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                      | 4791(Chính) |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                         | 5210        |
| 24. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5224        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                             | 5225        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ nâng cầu hàng hoá; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Dịch vụ logistic; Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. | 5229        |
| 27. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất phần mềm máy tính, các ứng dụng trên điện thoại di động                                                                                                                                                                                     | 5820        |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                      | 7730        |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 600.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THÚY DIỆU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/04/1998

Dân tộc: Mường

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017198005353

Ngày cấp: 25/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Phường Thái Bình, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 2, Phường Thái Bình, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hải Phòng